

Các Loại Cụm Từ Trong Tiếng Anh

NoTimer

CONTENTS

1 Định Nghĩa	2
2 Các loại cụm từ	3
2.1 Noun Phrase (Cụm danh từ)	3
2.2 Phrasal Verb (Cụm động từ)	3
2.3 Phrasal Adjective (Cụm tính từ)	4

CHAPTER 1

ĐỊNH NGHĨA

Một cụm từ là một hoặc nhiều từ kết hợp để cấu thành một đơn vị có nghĩa trong một mệnh đề.

Có tất cả 3 loại cụm từ:

1. Cụm danh từ
2. Cụm danh từ
3. Cụm tính từ

CHAPTER 2

CÁC LOẠI CỤM TỪ

2.1 Noun Phrase (Cụm danh từ)

Cụm danh từ có thể là một danh từ hoặc một nhóm từ xây dựng xung quanh một danh từ

Ví dụ: a beautiful trip, the last sandwich

Cụm Danh từ trong tiếng Anh thường được cấu tạo bởi công thức sau:

Hạn định từ + bổ ngữ đứng trước + Danh từ chính + bổ ngữ đứng sau

Hạn định từ bao gồm:

1. Mạo từ (article): a/ an/ the
2. Đại từ chỉ định (demonstrative Pronouns): this/ that/ those/ these
3. Từ chỉ số lượng / Số thứ tự (Quantifiers): four, three, third, second,...
4. Tính từ sở hữu: his, her,...
5. Bổ ngữ đứng trước thường là tính từ (adjectives)

Bổ ngữ đứng sau thường là cụm giới từ hoặc một mệnh đề.

2.2 Phrasal Verb (Cụm động từ)

Cụm động từ được tạo thành từ sự kết hợp giữa một động từ và một từ nhỏ (particle). Particle(s), này có thể là một trạng từ (adverb), hay là một giới từ (preposition), hoặc

là cả hai.

Khi đó cụm động từ sẽ có nghĩa khác hoàn toàn với động từ vốn có, vì vậy hãy coi chúng như một từ mới hoàn toàn.

Ví dụ: look up, look after, get on with

3 dạng cụm động từ phổ biến:

1. Verb + Adverb
2. Verb + Preposition
3. Verb + Adverb + Preposition

2.3 Phrasal Adjective (Cụm tính từ)

Thực chất là một tính từ đi kèm một giới từ, thể hiện một nghĩa nhất định nào đó.

Ví dụ: interested in, fond of, willing to